LESSON 2

BASIC DIALOGUE

	Mr. Hai	
1.	Excuse me (sir).	Xin lỗi ông.
	be named <u>or</u> name	tên
	be named what?	tên gì?
2.	What is your[m] name? (<u>Lit.</u> You[m] are named what?)	Ông tên gì?
	Mr. Smith	
	I	tôi
3.	My name is (<u>lit.</u> I am named) John Smith.[1]	Tôi tên John Smith.[1]
	Mr. Hai	
	she[w]	bà ấy
4.	And what is her[w] name? (<u>Lit.</u> And she[w] is named what?)	Còn bà ấy tên gì?
	Mr. Smith	
5.	Her[w] name is Phuong. (<u>Lit.</u> She[w] is named Phuong.)	Dạ bà ấy tên Phương.

[1]Each student should substitute his own name here.

NOTES

1. Xin lỗi '[I][1] beg your pardon', 'please excuse me' occurs both with and without ông, bà, cô, etc. indicating the person addressed.

2. Ông tên gì? is a very direct and rather abrupt way of asking someone's name. However, the use of Xin lỗi ông (Sentence 1) preceding it, has a softening effect.

4. Bà ấy 'she^{w}': Note also: ông ấy 'he^{m}', cô ấy 'she^{g}', anh ấy 'he$^{m.f}$', chị ấy 'she$^{w.f}$', các ông ấy 'they^{m}', etc.

   Còn 'and' connects coordinate sentences and clauses. Thus:

   Dạ mạnh, cám ơn ông. Còn ông?
   'Fine, thank you^{m}. And you^{m}?'

   Tôi tên Smith, còn bà ấy tên Phương.
   'My name is Smith, and her name is Phuong.'

---

[1] Square brackets in the English equivalent of a Vietnamese sequence enclose material which is needed for natural English but does not correspond to anything in the Vietnamese sequence.

DRILLS

A. Substitution Drill

1.	Excuse me,	sir	.	Xin lỗi	ông .
2.		miss			cô
3.		madam			bà
4.		gentlemen			các ông
5.		girls			các cô
6.		ladies			các bà
7.		(Province Chief)			ông Tỉnh-Trưởng
8.		(District Chief)			ông Quận-Trưởng

B. Substitution Drill

1.	What is	your^{m}	name?	Ông	tên gì?
2.		your^{w}		Bà	
3.		your^{g}		Cô	
4.		your$^{m.f}$		Anh	
5.		your$^{w.f}$		Chị	
6.		his^{m}		Ông ấy	
7.		her^{w}		Bà ấy	
8.		her^{g}		Cô ấy	
9.		the Province Chief's		Ông Tỉnh-Trưởng	
10.		the District Chief's		Ông Quận-Trưởng	

C. Substitution Drill

1.	My name is _____.[1] And what is your[m] name?	Tôi tên _____.[1] Còn	ông	(tên gì)?
2.	My name is _____. And what is your[w] name?		bà	
3.	My name is _____. And what is your[g] name?		cô	
4.	My name is _____. And what is his[m] name?		ông ấy	
5.	My name is _____. And what is her[w] name?		bà ấy	
6.	My name is _____. And what is her[g] name?		cô ấy	
7.	My name is _____. And what are your names, gentlemen?		các ông	
8.	My name is _____. And what are your names, ladies?		các bà	
9.	My name is _____. And what are your names, girls?		các cô	
10.	My name is _____. And what is the Province Chief's name?		ông Tỉnh-Trưởng	
11.	My name is _____. And what is the District Chief's name?		ông Quận-Trưởng	

[1] Each student should substitute his own name here.

D. Response Drill

1. Bà ấy tên gì? /Phương/
   What is her[W] name?
   Dạ bà ấy tên Phương.
   Her[W] name is Phuong.

2. Ông ấy tên gì? /Hải/
   What is his[m] name?
   Dạ ông ấy tên Hải.
   His[m] name is Hai.

3. Cô ấy tên gì? /Liên/
   What is her[g] name?
   Dạ cô ấy tên Liên.
   Her[g] name is Lien.

4. Chị ấy tên gì? /Huế/
   What is her[w.f] name?
   Dạ chị ấy tên Huế.
   Her[w.f] name is Hue.

5. Anh ấy tên gì? /Long/
   What is his[m.f] name?
   Dạ anh ấy tên Long.
   His[m.f] name is Long.

6. Ông Quận-Trưởng tên gì? /Kim/
   What is the District Chief's name?
   Dạ ông Quận-Trưởng tên Kim.
   The District Chief's name is Kim.

7. Ông Tỉnh-Trưởng tên gì? /Chẫn/
   What is the Province Chief's name?
   Dạ ông Tỉnh-Trưởng tên Chẫn.
   The Province Chief's name is Chan.

E. Expansion Drill

1.	Ông ấy tên Phương.	Ông ấy tên Phương, còn tôi tên _____.[1]
	His[m] name is Phuong.	His[m] name is Phuong, and my name is _____.[1]
2.	Bà ấy tên Liên.	Bà ấy tên Liên, còn tôi tên _____.
	Her[w] name is Lien.	Her[w] name is Lien, and my name is _____.
3.	Cô ấy tên Hải.	Cô ấy tên Hải, còn tôi tên _____.
	Her[g] name is Hai.	Her[g] name is Hai, and my name is _____.
4.	Anh ấy tên Kim.	Anh ấy tên Kim, còn tôi tên _____.
	His[m.f] name is Kim.	His[m.f] name is Kim, and my name is _____.
5.	Chị ấy tên Huế.	Chị ấy tên Huế, còn tôi tên _____.
	Her[w.f] name is Hue.	Her[w.f] name is Hue, and my name is _____.
6.	Ông Tỉnh-Trưởng tên Chẫn.	Ông Tỉnh-Trưởng tên Chẫn, còn tôi tên _____.
	The Province Chief's name is Chan.	The Province Chief's name is Chan, and my name is _____.
7.	Ông Quận-Trưởng tên Long.	Ông Quận-Trưởng tên Long, còn tôi tên _____.
	The District Chief's name is Long.	The District Chief's name is Long, and my name is _____.

[1]Each student should substitute his own name here.

F. Response Drill

1. Ông ấy tên Long. /anh/
   His[m] name is Long.
   Anh ấy cũng tên Long.
   His[m.f] name is Long, too.
2. Cô ấy tên Phương. /bà/
   Her[g] name is Phuong.
   Bà ấy cũng tên Phương.
   Her[w] name is Phuong, too.
3. Anh ấy tên Hải. /chị/
   His[m.f] name is Hai.
   Chị ấy cũng tên Hải.
   Her[w.f] name is Hai, too.
4. Bà ấy tên Kim. /ông/
   Her[w] name is Kim.
   Ông ấy cũng tên Kim.
   His[m] name is Kim, too.
5. Chị ấy tên Huế. /cô/
   Her[w.f] name is Hue.
   Cô ấy cũng tên Huế.
   Her[g] name is Hue, too.
6. Ông ấy tên Chẫn. /anh/
   His[m] name is Chan.
   Anh ấy cũng tên Chẫn.
   His[m.f] name is Chan, too.
7. Bà ấy tên Long. /ông/
   Her[w] name is Long.
   Ông ấy cũng tên Long.
   His[m] name is Long, too.
8. Ông Quận-Trưởng tên Kim. /chị/
   The District Chief's name is Kim.
   Chị ấy cũng tên Kim.
   Her[w.f] name is Kim, too.
9. Anh ấy tên Hải. /cô/
   His[m.f] name is Hai.
   Cô ấy cũng tên Hải.
   Her[g] name is Hai, too.

G. Response Drill

1. Anh ấy tên Long. /bà Phương/
   His[m.f] name is Long.
   Dạ còn bà ấy tên Phương.
   And her[w] name is Phuong.

2. Cô ấy tên Hải. /ông Hải/
   Her[g] name is Hai.
   Dạ ông ấy cũng tên Hải.
   <u>His</u>[m] name is Hai, <u>too</u>.

3. Ông ấy tên Kim. /chị Kim/
   His[m] name is Kim.
   Dạ chị ấy cũng tên Kim.
   <u>Her</u>[w.f] name is Kim, <u>too</u>.

4. Bà ấy tên Liên. /cô Huế/
   Her[w] name is Lien.
   Dạ còn cô ấy tên Huế.
   And her[g] name is Hue.

5. Chị ấy tên Phương. /anh Phương/
   Her[w.f] name is Phuong.
   Dạ anh ấy cũng tên Phương.
   <u>His</u>[m.f] name is Phuong, <u>too</u>.

6. Ông ấy tên Long. /bà Kim/
   His[m] name is Long.
   Dạ còn bà ấy tên Kim.
   And her[w] name is Kim.

7. Cô ấy tên Liên. /chị Liên/
   Her[g] name is Lien.
   Dạ chị ấy cũng tên Liên.
   <u>Her</u>[w.f] name is Lien, <u>too</u>.

8. Anh ấy tên Long. /ông Chẫn/
   His[m.f] name is Long.
   Dạ còn ông ấy tên Chẫn.
   And his[m] name is Chan.

EXERCISES

Practice the Basic Dialogue with the following variations:

(a) Assume the role of Mr. Hai and converse with:

(1) Ông Long

(2) Bà Kim

(3) Cô Liên

(4) Anh Chẫn

(5) Chị Huế

(b) Vary the person inquired about in Sentence 4, as well as his (or her) name.